

A. LÝ THUYẾT

- Tập hợp, tập hợp các số tự nhiên.
- Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên.
- Dấu hiệu chia hết cho 2,5,3,9. Số nguyên tố, hợp số.
- Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. Hình chữ nhật, hình thoi. Hình bình hành.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Cách viết đúng trong các cách viết sau:

- A. $\frac{2}{3} \in N$ B. $0 \in N^*$ C. $0 \in N$ D. $0 \notin N$

Câu 2. Thế kỉ thứ XXI được đọc là: Thế kỉ thứ:

- A. Hai mươi một B. Hai mươi C. Mười chín D. Ba mươi một

Câu 3. Kết quả $a^m \cdot a^n$ được viết dưới một dạng lũy thừa là:

- A. $a^{m \cdot n}$ B. $(a \cdot a)^{m+n}$ C. a^{m+n} D. $(a \cdot a)^{m \cdot n}$

Câu 4. Trong các số sau: 1235; 4327; 9876; 2021 số chia hết cho 2 là:

- A. 9876 B. 1235 C. 4327 D. 2021

Câu 5. Đối với các biểu thức có dấu ngoặc, thứ tự thực hiện phép tính là:

- A. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$ B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$ C. $\{ \} \rightarrow () \rightarrow []$ D. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$

Câu 6. Gọi A là tập hợp các chữ số của số 2021 thì :

- A. $A = \{2; 0; 1\}$ B. $A = \{2; 0; 2; 1\}$ C. $A = \{2; 1\}$ D. $A = \{0; 1\}$

Câu 7. Tập hợp các số tự nhiên là ước của 16 là:

- A. $\{2; 4; 8; 16\}$ B. $\{1; 2; 4; 8\}$ C. $\{0; 2; 4; 8; 16\}$ D. $\{1; 2; 4; 8; 16\}$

Câu 8. Điều kiện của x để biểu thức $A = 12 + 14 + 16 + x$ chia hết cho 2 là

- A. x là số tự nhiên chẵn B. x là số tự nhiên lẻ
C. x là số tự nhiên bất kì D.
 $x \in \{0; 2; 4; 6; 8\}$

Câu 9. Số nào chia hết cho cả 2; 3; 5; 9 trong các số sau?

- A. 45 B. 78 C. 180 D. 210

Câu 10. Cho các số tự nhiên: 13; 2010; 801; 91; 101. Trong các số này:

- A. có 2 hợp số B. có 2 số nguyên tố
C. chỉ có một số chia hết cho 3 D. số 13 và 91 là 2 số nguyên tố cùng nhau

Câu 11. Cho 4 số tự nhiên: 1234; 3456; 5675; 7890. Trong 4 số trên có bao nhiêu số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 ?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 12. Tam giác đều có:

- A. Chỉ hai cạnh bằng nhau.
- B. Chỉ hai góc bằng nhau.
- C. Ba cạnh bằng nhau, hai góc bất kì của tam giác không bằng nhau
- D. Ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau.

Câu 13. Chọn câu trả lời **SAI** trong các câu sau:

- A. Hình vuông $ABCD$ có $AB = BC = CD = DA$.
- B. Hình vuông $ABCD$ có bốn góc ở các đỉnh A, B, C, D là góc vuông.
- C. Hình vuông $ABCD$ có $AC = BD$ và AC song song với BD .
- D. Hình vuông $ABCD$ có $AB = BC = CD = DA$.

Câu 14. Công thức tính diện tích $S = a.a$ (trong đó a là độ dài của cạnh hình đó) là công thức của:

- A. Tam giác đều.
- B. Hình vuông.
- C. Hình lục giác đều.
- D. Hình thoi.

Câu 15. Lục giác đều có bao nhiêu góc bằng nhau?

- A. 2
- B. 4
- C. 6
- D. 8.

Câu 16. $\triangle MNP$ đều khi:

- A. $MN = NP$
- B. $MN = MP$
- C. $MP = NP$
- D. $MN = NP = PM$.

Câu 17. Chu vi của hình vuông có độ dài cạnh 6 cm là:

- A. 24 cm
- B. 36 cm
- C. 6 cm
- D. 12 cm

Câu 18. Hai đường chéo của hình thoi bất kì có đặc điểm gì?

- A. Vuông góc
- B. Song song
- C. Trùng nhau
- D. Bằng nhau

II. Tự luận

Dạng 1. Viết tập hợp

Bài 1. Viết các tập hợp sau bằng 2 cách

- a) Tập hợp các số tự nhiên khác 0 và không vượt quá 20.
- b) Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 100.
- c) Tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 23 và nhỏ hơn hoặc bằng 40

Bài 2. Cho các tập hợp: $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$; $B = \{1; 3; 5; 7; 9\}$

- a) Viết tập hợp C các phần tử thuộc A và không thuộc B.
- b) Viết tập hợp D các phần tử thuộc B và không thuộc A.
- c) Viết tập hợp E các phần tử vừa thuộc A vừa thuộc B.

Dạng 2: Thực hiện phép tính

Bài 1. Thực hiện phép tính bằng cách hợp lý (nếu có)

- 1) $117 + 68 + 23$
- 2) $135 + 360 + 65 + 40$
- 3) $5.2^2 - 18 : 3$
- 4) $150 + 50 : 5 - 2.3^2$
- 5) $6^2.25 + 6^2.75 - 200$
- 6) $26.17 + 83.26 - 40$
- 7) $8.9.14 + 6.17.12 + 19.4.18$
- 8) $20 - [30 - (5 - 1)^2]$
- 9) $200 : [117 - (23 - 6)]$
- 10) $12 : \{400 : [500 - (125 + 25.7)]\}$
- 11) $2018^0 - \{15^2 : [175 + (2^3.5^2 - 6.25)]\}$
- 12) $12 + 15 + 18 + \dots + 90$

13) $8 + 12 + 16 + \dots + 100$

14) $99 - 97 + 95 - 93 + 91 - 89 + \dots + 7 - 5 + 3 - 1$

Bài 2. Một nhà máy xuất khẩu lúa quý I và quý II được sản lượng lần lượt là 1578946 tấn và 1873027 tấn. Để hoàn thành kế hoạch cả năm 6200000 tấn thì hai quý cuối năm phải phân đầu bao nhiêu sản lượng lúa?

Bài 3. Một phòng chiếu phim có 21 hàng ghế, mỗi hàng có 21 ghế. Giá mỗi vé xem phim là 50.000đ.

a. Tối thứ 7, tất cả các vé đều bán hết. Hỏi số tiền bán vé thu được là bao nhiêu?

b. Tối thứ 6, số tiền bán vé thu được là 16 400 000 đồng. Hỏi còn bao nhiêu vé không bán được?

c. Chủ nhật còn 43 vé không bán được. Hỏi số tiền bán vé thu được là bao nhiêu?

Dạng 3. Tìm x

Tìm số tự nhiên x biết

1) $5 + x = 320$

2) $15 : (x + 2) = 3$

3) $451 + (x - 218) = 876$

4) $70 - 5(x - 3) = 45$

5) $255 - (x + 9) = 184$

6) $541 + (218 - x) = 678$

7) $(3 \cdot x - 15) \cdot 7 = 42$

8) $(x - 25) : 15 = 20$

9) $2^x \cdot 4 = 128$

10) $(8x - 16)(x - 4) = 0$

11) $24 : x$ và $x \geq 6$

12) $x : 12$ và $x < 60$

Dạng 4. Tính chất chia hết

Bài 1. Điền chữ số vào a để được số $\overline{35a}$

a) Chia hết cho 2

b) Chia hết cho 3

c) Chia hết cho 5

d) Chia hết cho

9

Bài 2. Gọi P là tập hợp các số nguyên tố. Điền kí hiệu \in và \notin vào ô vuông:

a) $747 \square P$; $235 \square P$; $97 \square P$

b) $835.123 + 318 \square P$

c) $5.7.11 + 13.17 \square P$

Bài 3. Một lớp học có 24 HS nam và 18 HS nữ. Có bao nhiêu cách chia tổ sao cho số nam và số nữ được chia đều vào các tổ?

Bài 4*. Tìm $x \in N$ sao cho:

a) $x + 6$ chia hết cho x ;

b) $x + 9$ chia hết cho $x + 1$;

c) $2x + 1$ chia hết cho

$x - 1$

Bài 5*. Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{20}$. Chứng minh rằng:

a) A chia hết cho 2;

b) A chia hết cho 3;

c) A chia hết cho 5.

Dạng 5: Các bài tập hình học

Bài 1. Một tấm vải hình chữ nhật có chiều dài 1m và chiều rộng là 36cm. Diện tích của tấm vải hình chữ nhật theo đơn vị xăng ti mét vuông là?

Bài 2. Tìm chiều dài của hình chữ nhật biết chiều rộng của hình chữ nhật là 15cm và diện tích bằng 390cm^2

Bài 3. Bác Nam cần lát gạch cho một nền nhà hình chữ nhật có chiều dài là $20m$ và chiều rộng $5m$. Bác Nam muốn lát gạch hình vuông cạnh $4 dm$ lên nền nhà đó nên đã mua gạch bông với giá một viên gạch là 80000 đồng. Hỏi số tiền mà bác Ba phải trả để mua gạch?

Bài 4. Tính diện tích của hình vuông có độ dài cạnh là $8 dm$.

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG:

- Nắm được đặc trưng của VB truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, thơ, thơ lục bát.
- Chỉ ra được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các văn bản.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. TRI THỨC NGỮ VĂN

Bài 1: Truyện (Truyền thuyết và Cổ tích)

- Xác định được chủ đề, thể loại, ngôi kể, nhân vật, sự việc, phương thức biểu đạt, ý nghĩa của các chi tiết kì ảo ý nghĩa văn bản, lời người kể chuyện và lời nhân vật...của các truyện dân gian.
- Nêu được cảm nhận về nhân vật, chi tiết.

Bài 2: Thơ (Thơ lục bát)

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa...) của bài thơ lục bát.
- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ trong bài thơ.

II. Phần tiếng Việt

- Cấu tạo từ: từ đơn, từ phức.
- Hiểu được ý nghĩa của từ, cụm từ.
- Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.

III. Phần tập làm văn.

Dạng 1: Viết bài kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.

Dạng 2: Viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích mà em yêu thích.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lại lên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần thần mới hiện lên.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm

đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống ở trên cạn ở cung điện Long Trang.

[...]

Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng cháu Tiên.”

(Trích truyện Con Rồng, cháu Tiên)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Thể loại của văn bản trên là

- A. cổ tích.
- B. ngụ ngôn.
- C. truyền thuyết.
- D. đồng thoại.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là

- A. tự sự.
- B. biểu cảm.
- C. nghị luận.
- D. thuyết minh.

Câu 3: Truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên được kể ở ngôi

- A. thứ nhất.
- B. thứ hai.
- C. thứ ba.
- D. thứ tư.

Câu 4: Các từ ghép có trong câu: “Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở.” là

- A. trồng trọt, chăn nuôi.
- B. cách ăn, dạy dân.
- C. chăn nuôi, ăn ở.
- D. trồng trọt, ăn ở.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 5: Tìm trạng ngữ có trong câu văn sau và cho biết ý nghĩa của trạng ngữ đó
“Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần.

Câu 6: Tìm những chi tiết kì ảo, đặc sắc nói về nguồn gốc, hình dạng của Lạc Long Quân và Âu cơ có trong đoạn trích trên. Theo em, những chi tiết kì ảo ấy có ý nghĩa thế nào trong việc thể hiện nội dung văn bản?

Câu 7. Truyền thuyết con Rồng Cháu Tiên đã lí giải và ca ngợi nguồn gốc cao quý của con người Việt Nam. Theo em, mỗi chúng ta cần làm gì để gìn giữ và phát huy nguồn gốc cao quý ấy của người Việt trong thời đại ngày nay?

ĐỀ 2

Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Ngày xưa, có hai vợ chồng một lão nông nghèo đi ở cho nhà một phú ông. Họ hiền lành, chăm chỉ nhưng đã ngoài năm mươi tuổi mà chưa có lấy một mụn con. Một hôm, người vợ vào rừng lấy củi. Trời nắng to, khát nước quá, thấy cái sọ dừa bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, bà bèn bưng lên uống. Thế rồi, về nhà, bà có mang. Ít lâu sau, người chồng mất. Bà sinh ra một đứa con không có chân tay, mình mẩy, cứ tròn lông lóc như một quả dừa. Bà buồn, toan vứt nó đi thì đứa bé lên tiếng bảo.

- *Mẹ ơi! Con là người đấy! Mẹ đừng vứt con mà tội nghiệp. Bà lão thương tình để lại nuôi rồi đặt tên cho cậu là Sọ Dừa.*

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn thế, cứ lẩn lôn lóc chẳng làm được việc gì. Bà mẹ lấy làm phiền lòng lắm. Sọ Dừa biết vậy bèn xin mẹ đến chăn bò cho nhà phú ông. Nghe nói đến Sọ Dừa, phú ông ngần ngại. Nhưng nghĩ: nuôi nó thì ít tốn cơm, công sá lại chẳng đáng là bao, phú ông đồng ý. Chẳng ngờ cậu chăn bò rất giỏi. Ngày ngày, cậu lẩn sau đàn bò ra đồng, tới đến lại lẩn sau đàn bò về nhà. Cả đàn bò, con nào con nấy cứ no căng. Phú ông lấy làm mừng lắm!

Vào ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm hết cả, phú ông bèn sai ba cô con gái thay phiên nhau đem cơm cho Sọ Dừa. Trong những lần như thế, hai cô chị kiêu kì, ác nghiệt thường hắt hủi Sọ Dừa, chỉ có cô em vốn tính thương người là đối đãi với Sọ Dừa tử tế.

Một hôm đến phiên cô út mang cơm cho Sọ Dừa. Mới đến chân núi, cô bỗng nghe thấy tiếng sáo véo von. Rón rén bước lên cô nhìn thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đang ngồi trên chiếc võng đào thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Thế nhưng vừa mới đứng lên, tất cả đã biến mất tăm, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lẩn lóc ở đấy. Nhiều lần như vậy, cô út biết Sọ Dừa không phải người thường, bèn đem lòng yêu quý.

Đến cuối mùa ở thuê, Sọ Dừa về nhà giục mẹ đến hỏi con gái phú ông về làm vợ. Bà lão thấy vậy tỏ ra vô cùng sừng sốt, nhưng thấy con năn nỉ mãi, bà cũng chiều lòng. Thấy mẹ Sọ Dừa mang cau đến dạm, phú ông cười mỉa mai:

- *Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm đem sang đây.*

Bà lão đành ra về, nghĩ là phải thôi hẳn việc lấy vợ cho con. Chẳng ngờ, đúng ngày hẹn, bỗng đứng trong nhà có đầy đủ mọi sính lễ, lại có cả gia nhân ở dưới nhà chạy lên khiêng lễ vật sang nhà của phú ông. Phú ông hoa cả mắt lúng túng gọi ba cô con gái ra hỏi ý. Hai cô chị bĩu môi chê bai Sọ Dừa xấu xí rồi ngúng nguẩy đi vào, chỉ có cô út là cúi đầu e lệ tỏ ý bằng lòng.

Trong ngày cưới, Sọ Dừa cho bày cỗ thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập. Lúc rước dâu, chẳng ai thấy Sọ Dừa trọc lóc, xấu xí đâu chỉ thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú đứng bên cô út.

Từ ngày ấy, hai vợ chồng Sọ Dừa sống với nhau rất hạnh phúc. Không những thế, Sọ Dừa còn tỏ ra rất thông minh. Chàng ngày đêm miệt mài đèn sách và quả nhiên năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên. Thế nhưng cũng lại chẳng bao lâu sau, Sọ Dừa được vua sai đi sứ. Trước khi đi, chàng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà nói là để hộ thân.

Từ ngày cô em út lấy được chồng Trạng nguyên, hai cô chị sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà Trạng. Nhân quan trạng đi vắng, hai chị sang rủ cô út chèo thuyền ra biển rồi cứ thế lừa đẩy cô em xuống nước. Cô út bị cá kình nuốt chửng, nhưng may có con dao mà thoát chết. Cô dạt vào một hòn đảo, lấy dao khoét bụng cá chui ra, đánh đá lấy lửa nướng thịt cá ăn. Sống được ít ngày trên đảo, hai quả trứng gà cũng kịp nở thành một đôi gà đẹp để làm bạn cùng cô út. Một hôm có chiếc thuyền đi qua đảo, con gà trống nhìn thấy bèn gáy to: “ò... ó... o. Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về”.

Quan cho thuyền vào xem, chẳng ngờ đó chính là vợ mình. Hai vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Đưa vợ về nhà, quan trạng mở tiệc mừng mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong nhà không cho ai biết. Hai cô chị thấy thế khắp khởi mừng thầm, tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì, tiệc xong mới cho gọi vợ ra. Hai cô chị nhìn thấy cô em thì xấu hổ quá, lén bỏ ra về rồi từ đó bỏ đi biệt xứ.”

(Trích Kho tàng truyện Việt Nam)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Văn bản “Sọ Dừa” thuộc thể loại

- A. cổ tích.
- B. ngụ ngôn.
- C. truyền thuyết.
- D. đồng thoại.

Câu 2: Căn cứ vào yếu tố để phân biệt lời người kể chuyện, lời nhân vật trong văn bản “Sọ Dừa” là

- A. lời nhân vật thường đi kèm lời dẫn của người kể chuyện, lời dẫn được kết thúc bằng dấu hai chấm, sau đó xuống dòng, gạch đầu dòng rồi mới xuất hiện lời của nhân vật.
- B. lời người kể chuyện kết thúc bằng dấu chấm, sau đó xuống dòng gạch đầu dòng và xuất hiện lời nói.
- C. lời nhân vật thường đi kèm lời dẫn của người kể chuyện, lời dẫn được kết thúc bằng dấu chấm phẩy, sau đó xuống dòng gạch đầu dòng.
- D. lời nhân vật thường đi kèm lời dẫn của người kể chuyện, lời dẫn được kết thúc bằng dấu phẩy, sau đó xuống dòng, gạch đầu dòng rồi mới xuất hiện lời của nhân vật.

Câu 3: Chi tiết kì ảo gắn với nhân vật Sọ Dừa là

- A. bà lão đành ra về, nghĩ là phải thôi hẳn việc lấy vợ cho con.

- B. từ ngày cô em út lấy được chồng Trọng nguyên, hai cô chị sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà Trọng.
- C. bà mẹ do uống nước mưa trong cái sọ dừa mà có mang, đẻ ra cục thịt đỏ hồng, chỉ có mắt mũi, không có mình mẩy, tay chân.
- D. đưa vợ về nhà, quan trọng mở tiệc mừng mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong nhà không cho ai biết.

Câu 4: Cụm từ “dị hình dị dạng” được định nghĩa là

- A. hình dạng khác biệt, không bình thường.
- B. hình dáng kinh dị.
- C. hình dáng to khỏe.
- D. hình dáng nhỏ nhắn.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 5: Phân loại các nhân vật trong truyện “Sọ Dừa” theo tiêu chí tốt, xấu. Nêu một số biểu hiện tốt, xấu của 01 nhân vật do em chọn.

Câu 6: Cách kết thúc của truyện (chú ý 4 câu văn cuối cùng) gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 7: Trong câu “*Từ ngày cô em út lấy được chồng Trọng nguyên, hai cô chị sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà Trọng.*” có thể thay từ “ghen ghét” bằng từ nào khác mà ý nghĩa câu văn không thay đổi?

Câu 8: Nêu thông điệp, bài học mà em rút ra được từ văn bản “Sọ Dừa”.

ĐỀ 3

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

*“Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời
Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu
Bàn tay mẹ quạt mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời”.*

(Mẹ, Trần Quốc Minh, Theo Thơ chọn với lời bình)

Lựa chọn đáp án trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Bài thơ được viết theo thể thơ

- A. thất ngôn tứ tuyệt.
- B. năm chữ.
- C. lục bát.
- D. song thất lục bát.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là

- A. tự sự.
- B. biểu cảm.
- C. nghị luận.
- D. thuyết minh.

Câu 2: Nhân vật trữ tình trong bài thơ là

- A. bố.
- B. mẹ.
- C. con.
- D. cô giáo.

Câu 3: Trong bài thơ, những âm thanh nào được nhắc đến là

- A. tiếng ve, tiếng ru, tiếng võng, tiếng gió.
- B. tiếng ve, tiếng hát, tiếng ru, tiếng gió.
- C. tiếng ve, tiếng ru, tiếng gió, tiếng chim.
- D. tiếng ve, tiếng đàn, tiếng ru, tiếng gió.

Câu 4: Biện pháp tu từ trong câu thơ: “*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*” là

- A. nhân hóa.
- B. ẩn dụ.
- C. điệp ngữ.
- D. so sánh.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu sau:

Câu 5: Em hãy chỉ ra cách gieo vần, nhịp điệu ở bốn câu thơ sau:

*“Lặng rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời,
Kẽo cà tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru”.*

Câu 6: Ngoài bài thơ trên, em đã từng đọc những câu ca dao, câu thơ nào về mẹ? Hãy ghi lại một số câu thơ mà em yêu thích nói về người mẹ.

Câu 7: Tác giả đã nhắn gửi thông điệp gì qua đoạn thơ trên?

Câu 8: Hãy nêu ý nghĩa lời ru trong đời sống tâm hồn của mỗi người.

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO

*“Mấy ngày mẹ về quê
Là mấy ngày bão nổi
Con đường mẹ đi về
Cơn mưa dài chặn lối.*

*Hai chiếc giường ướt một
Ba bố con nằm chung
Vẫn thấy trống phía trong
Nằm ấm mà thao thức.*

*Nghĩ giờ này ở quê
Mẹ cũng không ngủ được
Thương bố con vụng về
Cúi mún thì lại ướt.*

*Nhưng chị vẫn hái lá
Cho thỏ mẹ, thỏ con
Em thì chăm đàn ngan
Sớm lại chiều no bữa
Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua....
Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.”*

(Tác giả: Đặng Hiền – Nguồn Internet)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Bài thơ trên thuộc thể thơ

- A. lục bát.
- B. thất ngôn bát cú.
- C. thơ tự do.
- D. thơ năm chữ.

Câu 2: Bài thơ là lời tâm sự của

- A. mẹ.
- B. bố.
- C. con
- D. cô

Câu 3: Bài thơ viết về chủ đề

- A. tình cảm quê hương, đất nước.
- B. tình cảm gia đình.
- C. tình thầy trò.
- D. tình bạn.

Câu 4: Ba bố con lại “thao thức” vì

- A. suy nghĩ, trần trọc.
- B. chờ đợi, háo hức.
- C. lo lắng, nhớ mẹ.
- D. hồi hộp, sợ hãi.

Câu 5: Khi mẹ vắng nhà, bố đã

- A. đi chợ, nấu ăn.
- B. chở các con đến trường.
- C. che chắn nhà cửa.
- D. hái lá cho thỏ ăn.

Câu 6: Trong suy nghĩ của con, người mẹ ở quê có tâm trạng là

- A. buồn phiền khi hai chị em không biết nhường nhịn nhau.
- B. lo lắng vì con không thể đến trường.
- C. lo lắng vì ba bố con không biết nấu ăn.
- D. thương ba bố con và không ngủ được.

Câu 7: Cách gieo vần ở khổ thơ 1 trong bài thơ trên là

- A. vần lưng.
- B. vần chân.
- C. vần liền.
- D. vần cách.

Câu 8: Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ

Mẹ về như nắng mới

Sáng ấm cả gian nhà.

- A. ẩn dụ.
- B. hoán dụ
- C. so sánh.
- D. nhân hoá.

Câu 9: Nếu ở trong hoàn cảnh của bài thơ trên thì em sẽ làm gì để giúp đỡ gia đình khi mẹ vắng nhà?

Câu 10: Từ nội dung bài thơ trên, em có suy nghĩ gì về vai trò của người mẹ trong gia đình?

DẠNG 2: VIẾT

Đề 1: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.

Đề 2: Viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích mà em yêu thích.

-----**HẾT**-----

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG
BIÊN**

TRƯỜNG THCS THANH AM

Năm học 2023 – 2024

**HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ÔN TẬP
GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 6**

Dạng 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Câu	Hướng dẫn trả lời				
ĐỀ 1	Câu	1	2	3	4
	Đáp án	C	A	C	C
Câu 5:					
- Trạng ngữ: Bảy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc.					
+Bảy giờ: Trạng ngữ chỉ thời gian.					
+ở vùng núi cao phương Bắc: trạng ngữ chỉ nơi chốn.					
Câu 6:					
- Thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lại lên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ.					
- nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm.					
Ý nghĩa của chi tiết kì ảo:					
+Làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, sinh động hơn.					
+Thần tiên hóa nguồn gốc, nòi giống dân tộc nhằm ca ngợi tài sắc và mối duyên tình đẹp đẽ của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Đồng thời khẳng định rằng dân tộc Việt Nam bắt nguồn từ nòi giống thần tiên, tài ba, xinh đẹp, rất đáng tự hào.					

Câu 7: - Cần rèn luyện những phẩm chất cao đẹp của người Việt như: nhân ái, đoàn kết, tự lực tự cường...
 - Cần chăm chỉ học tập để trau dồi kiến thức để làm chủ cuộc sống, góp phần đất nước giàu đẹp.
 - Cần rèn luyện sức khỏe, kỹ năng, thói quen tốt để đáp ứng mọi yêu cầu trong thời kỳ mới.

ĐỀ 2

Câu	1	2	3	4
Đáp án	A	A	C	A

Câu 5:

- Chính diện: Sọ Dừa, bà mẹ, cô út
- Phản diện: Phú ông, hai cô chị
- HS tự lựa chọn 01 nhân vật và lí giải hành động -> tính cách.

Câu 6:

- Truyện cổ tích thường có kết thúc có hậu: ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác. 4 câu kết của truyện đã hoàn thành chức năng ấy. Sự trừng phạt hoàn toàn thỏa đáng, kẻ gây điều ác phải thấy được tội lỗi của mình. Ở phần kết này, sự trừng phạt không tàn khốc. Dù sao cô út cũng không chết, để hai người ấy tự xấu hổ mà bỏ đi là một hình phạt hợp lí.

Câu 7: Có thể thay từ “ghen ghét” bằng các từ đồng nghĩa “đố kị”, “ghen tị”...

Câu 8: HS tự liên hệ bản thân.

ĐỀ 3

Câu	1	2	3	4
Đáp án	C	B	C	A

Câu 5:

- Cách gieo vần trong dòng thơ: Tiếng thứ 6 của dòng 6 vần với tiếng thứ 6 của dòng 8 (vần e) ; tiếng thứ 8 của dòng 8 vần với tiếng thừa 6 của dòng 6 (vần oi)
- Ngắt nhịp:

Lặng rồi /cả tiếng /con ve
 Con ve cũng mệt /vì hè nắng oi.
 Nhà em /vẫn tiếng/ ạ ời,
 Kéo cà tiếng võng /mẹ ngồi mẹ ru.

(dòng 6: Nhịp 2/2/2; dòng 8: Nhịp 4/4)

Câu 6:

Công cha như núi ngất trời
 Nghĩa mẹ như nước chảy ngoài biển Đông

(Ca dao)

Mẹ ru cái lã ở đời
 Sữa nuôi phân xác, hát nuôi phân hồn

Đố ai đếm được lá rừng

Đố ai đếm được mây tầng trời cao
Đố ai đếm được vì sao
Đố ai đếm được công lao mẹ già

Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa
Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương

(Ca dao)

Câu 7: Thông điệp:

- Lời ru của mẹ có ý nghĩa rất quan trọng với cuộc đời mỗi người con.
- Mẹ luôn có vai trò quan trọng nhất với cuộc đời con. Mẹ luôn hết lòng yêu thương, lo lắng, quan tâm, chăm sóc con. Mẹ dành cả tuổi thanh xuân để nuôi dạy con, mẹ sẵn sàng hi sinh vì con.
- Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng và sâu đậm nhất.
- Con cái cần có lòng biết ơn, đáp công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ.

Câu 8: Tiếng ru của mẹ là tình cảm, là ước mong, là lời gửi gắm tâm tình của người mẹ với con mình. Nó chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được mà muốn xây dựng cho đứa con là lời yêu thương chứa đựng tình yêu vô bờ bến của mẹ dành cho con.

ĐỀ 4

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	B	C	A	D	B	C

Câu 9: HS tự bộ lộ suy nghĩ, cảm nhận của mình song cần đảm bảo các ý chính sau:

- Khi mẹ vắng nhà phải tự lập, biết giúp đỡ bố mẹ, gia đình để cùng đoàn kết vượt qua khó khăn.
- Yêu thương gắn bó với mọi người trong gia đình, luôn nghĩ về nhau.

Câu 10: HS tự bộ lộ suy nghĩ, cảm nhận của mình song cần đảm bảo các ý chính sau:

- Công lao sinh thành, nuôi dưỡng.
- Yêu thương, dạy dỗ con nên người.

Dạng 2: VIẾT

Đề 1: Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.

Gợi ý:

1. Mở bài

- Giới thiệu về trải nghiệm khiến em nhớ mãi.

2. Thân bài

- Giới thiệu chung về trải nghiệm đó (thời gian, không gian, nhân vật tham gia vào trải nghiệm)
- Kể lại các sự việc đã xảy ra trong trải nghiệm theo một trình tự hợp lí.

3. Kết bài

- Nêu những ý nghĩa của trải nghiệm đó đối với bản thân em.

Đề 2: Viết bài văn kể lại truyện truyền thuyết hoặc cổ tích mà em yêu thích.

Gợi ý:

1. Mở bài:

- Giới thiệu câu chuyện được kể.

2. Thân bài:

- Trình bày diễn biến của câu chuyện bằng cách bám sát truyện gốc.

3. Kết bài:

- Nêu kết thúc truyện và suy nghĩ của bản thân mình.

A. TOPICS: From unit 1 to unit 3

B. VOCABULARY

- Unit 1: My new school
- Unit 2: My house
- Unit 3: My friends

C. PRONUNCIATION

- Sounds: /ɑ:/ and /ʌ/;
- Final sounds: /s/ and /z/
- Sounds: /b/ and /p/

D. GRAMMAR:

1. Present simple:

1.1 Cách chia động từ "to be" ở thì hiện tại đơn như sau:

Thể	Chủ ngữ	To be	V
Khẳng định	I	Am	I am a pupil.
	He/She/It/danh từ số ít	Is	She is a girl. He is a pupil.
	You/We/They/ danh từ số nhiều	Are	They are boys. We are pupils.
Phủ định	I	am not	I am not a boy.
	He/She/It/danh từ số ít	is not	She is not a pupil. He is not a girl.
	You/We/They/ danh từ số nhiều	are not	They are not girls. We are not pupils.
Nghị vấn	Am	I + ...?	Am I a pupil?
	Is	he/she/it/danh từ số ít +...?	Is she a boy? Is he a pupil?
	Are	you/we/they/danh từ số nhiều +...?	Are they pupils? Are we boys?

1.2. Cách chia động từ thường ở thì hiện tại đơn như sau:

Thể	Chủ ngữ	Động từ (V)	Ví dụ
Khẳng định	He/She/It/ danh từ số ít	V + s/es	She likes book. He washes his face.
	I/You/We/They/ danh từ số nhiều	V (nguyên thể)	They like book. I wash my face.
Phủ định	He/She/It/ danh từ số ít	does not (doesn't) + V (nguyên thể)	She doesn't like book. He doesn't wash his face.
	I/You/We/They/ danh từ số nhiều	do not (don't) + V (nguyên thể)	They don't like book. I don't wash my face.
Nghị vấn	Does + he/she/it/ danh từ số ít...	V (nguyên thể)...?	Does she like book?
	Do + I/you/we/they/ danh từ số nhiều	V (nguyên thể)...?	Do they like book? Do I wash my face?

1.3. Cách dùng thì hiện tại đơn:

- Thói quen hằng ngày.

VD: They drive to the office every day. (Hằng ngày họ lái xe đi làm.)

- **Sự việc hay sự thật hiển nhiên.**

VD: We have two children. (Chúng tôi có 2 đứa con.)

- **Sự việc sẽ xảy ra trong tương lai theo thời gian biểu hay lịch trình.**

VD: Christmas Day falls on a Monday this year. (Năm nay Giáng sinh rơi vào ngày thứ Hai.)

4. Dấu hiệu nhận biết:

- Nhóm trạng từ đứng ở trong câu:

Always (luôn luôn) usually (thường xuyên), often (thường), sometimes (thỉnh thoảng), rarely (hiếm khi), seldom (hiếm khi), frequently (thường xuyên), hardly (hiếm khi), never (không bao giờ), regularly (thường xuyên)...

- Các trạng từ này thường đứng trước động từ thường, đứng sau động từ “to be” và trợ động từ

Ví dụ: He rarely goes to school by bus

- Nhóm trạng từ đứng ở cuối câu:

Every day/ week/ month/ year (hàng ngày/ hàng tuần/ hàng tháng/ hàng năm)

Once (một lần), twice (hai lần), three times (ba lần), four times (bốn lần)...

2. Adverbs of frequency:

- Trạng ngữ chỉ tần suất được dùng khi muốn biểu đạt hay mô tả về mức độ thường xuyên của một hành động nào đó:

Always, usually, sometimes, never, occasionally, rarely, seldom, frequently, often, regularly, hardly ever.

- Vị trí của trạng ngữ chỉ tần suất:

+ Trước động từ thường:

My boyfriend sometimes writes to me.

+ Sau động từ “to be”:

She is always very happy.

+ Sau trợ động từ:

He doesn't usually play football.

3. Present continuous:

3.1. Cấu trúc:

Thể	Chủ ngữ (S)	Động từ (V)	Vi dụ
Khẳng định	I	am + V-ing	I am learning English.
	He/She/It/danh từ số ít	is + v-ing	She is learning English. He is learning English.
	You/We/They/ danh từ số nhiều	are + V-ing	They are learning English. We are learning English.
Phủ định	I	am not + V-ing	I am not learning English.
	He/She/It/danh từ số ít	is not + v-ing	She is not learning English. He is not learning English.
	You/We/They/ danh từ số nhiều	are not + V-ing	They are not learning English. We are not learning English.
Nghị vấn	Am I	+ v-ing...?	Am I learning English?
	Is he/she/it/danh từ số ít	+ V-ing...?	Is she learning English? Is he learning English?
	Are you/we/they/danh từ số nhiều	+ V-ing...?	Are they learning English? Are we learning English?

3.2. Cách dùng:

- Diễn đạt một hành động đang xảy ra tại thời điểm nói.

VD: I am eating my lunch right now.

- **Diễn tả một hành động hoặc một sự việc nói chung đang diễn ra nhưng không nhất thiết phải thực sự diễn ra ngay lúc nói.**

VD: I'm quite busy these days. I'm doing my assignment. (Dạo này tôi khá là bận. Tôi đang làm luận án)

- **Diễn đạt một hành động sắp xảy ra trong tương lai gần. Thường diễn tả một kế hoạch đã lên lịch sẵn**

VD: I am flying to London tomorrow. (Tôi sẽ bay sang Luân Đôn sáng ngày mai)

- **Hành động thường xuyên lặp đi lặp lại gây sự bức mình, khó chịu cho người nói. Cách dùng này được dùng với trạng từ “always”**

VD: He is always losing his keys. (Anh ấy cứ hay đánh mất chìa khóa)

3.3. Dấu hiệu nhận biết:

- **Trong câu có các trạng từ chỉ thời gian:**

now (bây giờ), right now (ngay bây giờ), at the moment (lúc này), at present (hiện tại), at this time (bây giờ), at + giờ cụ thể (at 12 o'clock)

- Trong câu có các từ như: Look! (nhìn kia), Listen (hãy nghe này), Keep silent! (Trật tự), Be careful! (Cẩn thận), Hurry up! (Hãy nhanh lên)...

3.4. Các quy tắc thêm -ing vào sau động từ:

Các quy tắc	Ví dụ	
Động từ kết thúc bởi “e”, ta bỏ “e” thêm “ing”	Have- having	Make- making
	Write – writing	Come- coming
Động từ kết thúc bởi “ee”, ta thêm “ing” mà không bỏ “e”	See- seeing	Agree – agreeing
Động từ kết thúc bởi “ie”, ta đổi “ie” thành “y” rồi thêm đuôi “ing”	Lie – lying	Die- dying
Động từ kết thúc bởi 1 nguyên âm (u,e,o,a,i) + 1 phụ âm, ta gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm -ing.	Run- running	Stop – stopping
	Get - getting	Travel – travelling

4. Sở hữu cách – Possessive Case

4.1. Định nghĩa:

Sở hữu cách (possessive case) là một hình thức chỉ quyền sở hữu của một người đối với một người hay một vật khác để từ đó làm rõ thêm cho đối tượng đang được nhắc đến.

4.2. Công thức:

Người làm chủ + 'S + vật/ người thuộc quyền sở hữu

Ví dụ:

Lan's house: nhà của Lan.

Lan's father: bố của Lan.

4.3. Cách viết sở hữu cách (Possessive case):

- **Thêm 's vào sau danh từ số ít.**

Ví dụ: Ben's pen is so sharp. (Cây bút của Ben rất bén.)

- **Thêm 's vào danh từ số ít nhưng có s cuối mỗi từ (như tên riêng, hoặc danh từ có s sẵn).**

Ví dụ: Doris's coat (áo khoác của Doris)

My boss's wife (vợ của sếp tôi)

- **Thêm 's vào danh từ số nhiều không có s**

Ví dụ: Children's clothes (áo quần của trẻ em).

- **Chỉ thêm dấu phẩy, không thêm s đối với danh từ là số nhiều có s**

Ví dụ: Books' cover (Bìa của những quyển sách).

- **Khi muốn nói nhiều người cùng sở hữu một vật hay nói cách khác là có nhiều danh từ sở hữu thì ta chỉ thêm kí hiệu sở hữu vào danh từ cuối.**

Ví dụ: Lan and Hoa's glasses are so expensive. (Kính của Lan và Hoa rất đắt.)

- **Tuy nhiên: nếu hàm ý là Lan và Hoa mỗi người sở hữu một cặp mắt kính thì ta sẽ viết: Lan's and Hoa's glasses are so expensive.**

E. EXERCISES:

I. Choose the word whose underlined part differs from the others in pronunciation in each of the following questions.

1. A. study B. lunch C. subject D. computer
2. A. calculator B. parking lot C. garden D. father
3. A. smart B. sharpener C. grammar D. star
4. A. compass B. homework C. someone D. wonderful
5. A. fun B. student C. studio D. stupid
6. A. cats B. lamps C. cupboards D. clocks
7. A. cookers B. months C. posters D. tables
8. A. lights B. armchairs C. sofas D. pictures
9. A. gardens B. sinks C. stoves D. drawers
10. A. photographs B. flats C. aunts D. schools

II. Choose the word that differs from the others in the position of primary stress in each of the following questions.

1. A. classmate B. compass C. enjoy D. ruler
2. A. equipment B. rubber C. excited D. activity
3. A. aerobics B. textbook C. notebook D. library
4. A. return B. expensive C. exercise D. piano
5. A. kitchen B. bedroom C. cupboard D. apartment
6. A. computer B. behind C. between D. window
7. A. cooker B. beside C. bathroom D. pillow
8. A. tomato B. funny C. active D. careful
9. A. machine B. clever C. museum D. eraser

III. Mark the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of following the questions.

1. James is _____ judo in the playground with his friends and he is very excited.
A. do B. doing C. does D. is doing
2. He usually _____ a taxi to the railway station.
A. taking B. take C. takes D. does take
3. She _____ like playing tennis.
A. doesn't B. don't C. isn't D. aren't
4. Some teachers _____ much homework.
A. is give B. gives C. are give D. give
5. My brother _____ badminton in the evening
A. don't play B. doesn't play C. isn't play D. aren't play
6. Look! These birds _____ on the tree over there.
A. sings B. sing C. is singing D. are singing
7. My father _____ coffee in the living room now.
A. drinks B. drink C. is drinking D. are drinking
8. Nam and Minh _____ soccer in the yard at the moment.
A. aren't playing B. playing C. isn't playing D. plays
9. What time _____ every morning?
A. do Mai gets up B. does Mai gets up C. does Mai get up D. does get Mai up

10. Phong is wearing a school _____.
- A. shoes B. uniform C. bag D. hats
11. Students live and study in a/an _____ school. They only go home at weekends..
- A. international B. small C. boarding D. overseas
12. My best friend _____ a round face and big eyes.
- A. have B. gets C. is D. has
13. I sit _____ Sarah at school.
- A. on B. next to C. between D. in
14. Our family stays _____ a stilt house.
- A. in B. on C. in front of D. at
15. Don't stand _____ the TV I'm trying to watch this programme.
- A. behind B. next to C. under D. in front of
16. We are excited _____ the first day of school.
- A. at B. about C. with D. in
17. My mother is in the _____ baking a cake for my birthday.
- A. bathroom B. dining room C. kitchen D. bedroom
18. Please turn the _____ on. It's so hot in here.
- A. fan B. light C. television D. faucet
19. My room is so _____! Dirty clothes, toys, books are all over the floor!
- A. messy B. crazy C. tidy D. cozy
20. She is always _____ at school, and helps other students with their homework.
- A. hard B. hardly C. hard-working D. work hard
21. Daisy is very _____ to take the test. She is a very good student.
- A. kind B. confident C. friendly D. talkative
22. My close friend, Mai, has a _____ face and _____ hair.
- A. big - black B. small - short C. round - black D. short - long
23. It is called the Tiger room _____ there is a big tiger on the wall.
- A. because B. so C. but D. like

IV. Mark the letter A, B, C, D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

- The school is finishing at three thirty in the afternoon.
- Mai can't answer the phone because she takes a shower at the moment.
- My brother and I always rides the bicycles to school from Monday to Saturday.
- My Dad is reading two books every week.
- Donata is very rude. She has a lot of friends.
- Tom sits on Lucy and James in his class.
- Peter usually doesn't get up before seven.
- My brother is late never for school.
- How often does you go to the cinema?
- Jerry always buy flowers at weekends.
- Elena's room is in the second floor.
- This dollhouse is my daughter toy.

V. Choose the best response, A, B or C, to complete these short dialogues.

- "How's it going?" "- _____"

A. To the cinema. B. I'm fine, thanks. C. See you later.

- "My name's Daniel." "- _____"

A. Pleased to meet you. B. Happy to see you. C. Nice to hear you.

- "How much is that?" "- _____"

A. It's at 4 o'clock. B. It's in the fridge. C. It's 90.000 VND.

- "Has Jenifer got a nice personality?" "- _____"

A. Yes, she's got blonde hair. B. Yes, she's very pretty. C. Yes, she's very friendly.

- "How many chairs are there?" "- _____"

- A. There isn't much. B. There aren't any. C. There is a lot.
6. "Can you give me a hand?" "_____"
- A. Sure B. No, thanks. C. I'm hungry.
7. 'How is your first day at school?'
- A. By bicycle. B. Five days a week.
- C. That sounds great. D. Really exciting.
8. 'Would you like to go for a drink?' '_____'
- A. Yes, I'd live to B. No, I wouldn't.
- C. Not at all. D. Oh sorry
9. Marco, would you please erase the blackboard for me?
- A. Never mind B. Yes, of course, teacher.
- C. You're quite right D. Yes, I do

VI. Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. Their funny stories make us laugh a lot.
- A. amusing B. lovely C. cute D. reliable
2. We organize expensive furniture carefully.
- A. act B. show C. watch D. arrange
3. Nam is very smart. He always answers the teacher's question well.
- A. bad B. clever C. lazy D. hardworking
4. Hoa is a good friend. She always shares things with her classmate.
- A. takes B. listens C. gives D. wants
5. It is foolish of him to go out alone at midnight.
- A. smart B. handsome C. stupid D. normal

VII. Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to underlined part in each of the following sentences.

1. He is so generous that he often pays for our drink.
- A. mean B. kind C. nice D. reliable
2. Doing morning exercises is an (a) exciting activity for students.
- A. happy B. boring C. hard D. interesting
3. Our teacher remembers all of my classmates' birthday.
- A. gives B. has C. asks D. forgets
4. The room is very untidy, so I have to clean it up.
- A. messy B. clean C. crazy D. interesting
5. In front of my school, there is a big park, so we can go for a walk after school.
- A. In the middle of B. Behind C. Under D. Between

VIII. Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

My dream school is a quiet school (1) _____ we have just two or three hours a day, in the morning. Then, in the afternoon, we can do many (2) _____ like singing, dancing, playing soccer, basketball, rugby. We won't have tests and mark either. The teachers will not (3) _____ homework, so we can do whatever we want after school. In my dream school, we can also choose the (4) _____ we want: for example, you're not going to learn mathematics or physics if you hate (5) _____. So it's a free school where you can learn with calm and serenity and you can make (6) _____ friends during afternoon activities!

1. A. what B. where C. when D. how
2. A. subjects B. actions C. activities D. acts
3. A. give B. take C. do D. get
4. A. class B. classrooms C. classmates D. classes
5. A. it B. them C. her D. him
6. A. much B. few C. any D. lots of

IX. Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the

following passage.

Wickedly Wonderful is a small summer (1) _____ in the UK for children aged 6 to 13 years old. The children (2) _____ a week outdoors at the camp, making new friends and learning new activities (3) _____ having a lot of fun. (4) _____ the summer camp, they sail, horse ride, kayak, enjoy games on the beach and the beach (5) _____, swim, surf, go crabbing and ride bikes. Children will enjoy holidays with Wickedly Wonderful, and (6) _____ are holidays that they will remember forever!

- | | | | |
|------------------|-------------|------------|--------------|
| 1. A. term | A.course | C.camp | D. holiday |
| 2. A. take | B.spend | C.use | D. pass |
| 3. A. which | B.what | C.where | D. while |
| 4. A. At | B. In | C.On | D. During |
| 5. A. firingcamp | B. campfire | C.firecamp | D.firingcamp |
| 6. A. this | B.that | C.these | D. those |

X. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

The Vietnamese students take part in different after - school activities. Some students play sports. They often play soccer, table tennis or badminton. Sometimes they go swimming in the swimming pools. Some students like music, drama and movies. They often practice playing musical instrument in the school music room. They join in the school theater group and usually rehearse plays. Some are members of the stamp collector's club. They often get together and talk about their stamps. A few students stay at home and play video games or computer games. Most of them enjoy their activities after school hours.

1. Which sports do some students often play?

- A. music, drama, movies and soccer
- B. soccer, table tennis, badminton and music
- C. soccer, table tennis, badminton and swimming
- D. video games, table tennies, drama, music

2. How often do they go swimming?

- A. usually
- B. sometimes
- C. always
- D. rarely

3. Where do some students often practice playing musical instruments?

- A. At home
- B. At a stamp club
- C. in the swimming pool
- D. in the school music room

4. How many students stay at home and play video games or computer games?

- A. A little
- B. A few
- C. A lots
- D. Many

5. What do the members of the stamp collector's club often do?

- A. They discuss their stamps with other members
- B. They talk about video games and computer games.
- C. They discuss movies with other members.
- D. They talk about music and drama.

XI. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

My dream house is a small one not far from the sea. On the ground-floor, it has four rooms. The first room is my living-room, with a white sofa, a black armchair and a coffee table. There is a lamp, a French window with view of the garden, a television set and a phone. There is a modern kitchen, with a fridge, and a door to the garden. There is in bathroom with a shower and a toilet. And there is a study-room with a desk and my computer. On the first floor, there is only my bedroom. It has a wardrobe, a bed and a television set. There is a balcony with a view of the sea. The walls of my house are white because they make the house pure. My house is really beautiful.

1. What is the topic of the passage?

- A. My favorite room of the house
- B. My dream house
- C. My favorite place
- D. My favorite bedroom

2. How many rooms are there in the house?

- A. 5
- B. 4
- C. 6
- D. 3

3. There is a computer in the _____.

- A. living room B. bedroom C. study room D. hall

4. The balcony is on the _____ floor.

- A. ground B. first C. second D. third

5. The word "pure" in the last line is best replaced by _____.

- A. clean B. messy C. active D. attractive

XII. Rewrite the sentences as directed.

Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one

1. This year my school has 20 classes.

→ There are

2. When you are tired, you should take a rest.

→ You had better

3. My favorite room is the kitchen.

→ I like

4. Lan's eyes are big and black.

→ Lan

5. John has a sister, Jane.

→ Jane

6. The house is behind the trees.

→ There are

XIII. Make sentences, using the words and phrases below

1. I/play/tennis/my friends/the moment.

.....

2. Lan/ usually/ do/ homework/ school library.

.....

3. Ann/ usually/ surf/ Net / evening.

.....

4. there/ flowers/ in the garden?

.....

5. She/ walk/ school/ every morning.

.....

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Phần Lịch sử:

- Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,2,3,4,5,6,7,8.
- Nội dung chính:
 - * *Vì sao phải học Lịch sử*
 - Lịch sử và cuộc sống.
 - Dựa vào đâu để biết và phục dựng Lịch sử.
 - Thời gian trong Lịch sử.
 - * *Xã hội nguyên thủy*
 - Nguồn gốc loài người.
 - Xã hội nguyên thủy.
 - Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy.
 - * *Xã hội cổ đại*
 - Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.
 - Ấn Độ cổ đại.

II. Phần Địa lí:

- Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 1,2,3,4,5,6,7,8.
- Nội dung chính:
 - * *Bản đồ. Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất:*
 - *Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lý.*
 - *Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ.*
 - Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách trên thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ.
 - Kí hiệu và bảng chú giải trên bản đồ.
 - Lược đồ trí nhớ.
 - * *Trái Đất - hành tinh của hệ Mặt Trời:*
 - Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
 - Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.
 - Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

- 50% trắc nghiệm
- 50% tự luận.

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Cho bản đồ có tỉ lệ 1: 5000, khoảng cách từ nhà bạn An đến trường THCS Thanh Am là 15cm trên bản đồ. Giả sử An đi bộ với vận tốc trung bình là 1,25m/s. Hỏi bạn An đi từ nhà đến trường mất bao nhiêu phút?

Câu 2: Trình bày đặc điểm của hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến trên quả địa cầu.

Câu 3:

- Bản đồ là gì?
- Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1: 5000 000, khoảng cách giữa thủ đô Hà Nội tới Thái Bình là 3,5 cm. Vậy trên thực tế thành phố Thái Bình cách thủ đô Hà Nội bao nhiêu km?

Câu 4:

a. Một trận bóng đá diễn ra ở Việt Nam lúc 14 giờ ngày 15/9/2022 (múi giờ thứ 7) thì lúc này ở Nhật Bản (múi giờ thứ 9) là mấy giờ?

b. Vì sao có hiện tượng ngày và đêm luân phiên trên Trái Đất?

Câu 5: Trình bày về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của Người tối cổ và Người tinh khôn?

Câu 6: Hãy chỉ ra những thay đổi trong đời sống xã hội khi khi công cụ bằng kim loại xuất hiện. Vì sao xã hội nguyên thủy ở phương Đông phân hóa nhưng không triệt để?

Câu 7: Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm hiện tại khoảng bao nhiêu năm?

a. Khoảng thiên niên kỉ thứ III TCN, người Ai Cập đã biết làm ra lịch.

b. Thục Phán lập ra nước Âu Lạc vào khoảng năm 208 TCN.

c. Năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

d. Năm 40, hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn.

Câu 8: Em hãy trình bày những thành tựu văn hóa của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại (*Chữ viết, Toán học, Y học, Thiên văn học, Kiến trúc, Công cụ*).

Câu 9: Em hãy trình bày những thành tựu văn hóa của Ấn Độ cổ đại. (*Chữ viết, Văn học, Lịch, Toán học, Tôn giáo, Kiến trúc*).

----- **Hết** -----

BGH

NHÓM CM

NGƯỜI LẬP

Lê T. Ngọc Anh Nguyễn T. T Huyền Trần T. Linh

Nguyễn T. Bích Nguyễn T. Phương

TRƯỜNG THCS THANH AM

Năm học: 2023 - 2024

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6

Câu 1:

Quãng đường mà An đi chuyển từ nhà đến trường là:

$$15 \times 5000 = 75.000 \text{ cm} = 750\text{m}$$

Thời gian mà bạn An đi chuyển từ nhà đến trường là:

$$750 : 1,25 = 600 \text{ (s)} = 10 \text{ phút.}$$

Câu 2:

Đặc điểm	Kinh tuyến	Vĩ tuyến
Khái niệm	- Là đường nối liền hai điểm cực bắc và cực nam trên bề mặt quả địa cầu	- Là đường nối liền hai điểm cực bắc và cực nam trên bề mặt quả địa cầu.
Độ dài	- Bằng nhau.	- Không bằng nhau.

Câu 3:

a. Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ.

- b. Đổi: $300\text{km} = 30.000.000\text{cm}$
 5cm trên bản đồ thì tương ứng với 30.000.000 cm trên thực tế.
 $\Rightarrow 1\text{cm}$ trên bản đồ thì tương ứng với 6.000.000 cm trên thực tế.
 $\Rightarrow 30.000.000 : 5 = 6.000.000\text{ cm}$

Câu 4.

a. Lúc đó, ở Nhật Bản là:

$$14 + 2 = 16 \text{ giờ ngày } 15/9/2022$$

b. Trên Trái Đất có hiện tượng ngày và đêm luân phiên vì :

- Trái Đất có dạng khối cầu nên lúc nào cũng chỉ được mặt trời chiếu sáng một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm.
- Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng từ Tây sang Đông nên ở khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm luân phiên nhau.

Câu 5:

	Bầy người nguyên thủy	Công xã thị tộc
Dạng người	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đời sống vật chất	Sống trong hang động, dựa vào săn bắt và hái lượm.	Biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải và làm gốm.
Tổ chức xã hội	Sống thành bầy	Công xã thị tộc
Đời sống tinh thần	Biết làm đồ trang sức, vẽ tranh trên vách đá...	Biết làm đồ trang sức, có tục chôn người chết và đời sống tâm linh

Câu 6:

- Sự thay đổi trong đời sống xã hội khi kim loại xuất hiện:
- + Gia đình mẫu hệ chuyển sang gia đình phụ hệ.
- + Cửa cải dư thừa xuất hiện nhiều, xã hội có sự phân hóa kẻ giàu, người nghèo
- Xã hội nguyên thủy dần tan rã.
- Xã hội phương Đông phân hóa sớm nhưng không triệt để vì: Cư dân phương Đông sinh sống ven các con sông lớn họ phải liên kết để làm thủy lợi và chống ngoại xâm nên tính liên kết cộng đồng và nhiều tập tục nguyên thủy tiếp tục được bảo lưu.

Câu 7:

- a. Khoảng thiên niên kỉ thứ III TCN, người Ai Cập đã biết làm ra lịch cách năm hiện tại: $2023 + 1000 = 3023$ năm.
- b. Thực Phán lập ra nước Âu Lạc vào khoảng năm 208 TCN cách năm hiện tại: $208 + 2023 = 2231$ năm.
- c. Năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng cách năm hiện tại: 1085 năm.
- d. Năm 40, hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn cách năm hiện tại: 1983 năm.

Câu 8:

Thành tựu	Thành tựu	
	Ai Cập	Lưỡng Hà
Chữ viết	Chữ tượng hình	Chữ hình nêm
Toán học	Hệ đếm thập phân, chữ số từ 1 đến 9, tính được diện tích các hình.	Hệ đếm 60, tính được diện tích các hình.
Y học	Thuật ướp xác	

Thiên văn học	Biết làm lịch (một tháng có 30 ngày)	Biết làm lịch (một tháng có 29 - 30 ngày)
Kiến trúc	Kim tự tháp	Vườn treo Ba-bi-lon
Công cụ	Cày	Bánh xe

Câu 9:

Thành tựu	Nội dung
Chữ viết	Chữ Phạn (Sanskrit)
Văn học	Mahabharata, Ramayana
Lịch	Đã biết làm lịch
Toán học	10 chữ số, đặc biệt số 0
Tôn giáo	Phật giáo, Hindu giáo
Kiến trúc	Cột đá A-sô-ca, đại bảo tháp San-chi.

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 3 bài:

Bài 1. Nhà ở đối với con người

Bài 2. Xây dựng nhà ở

Bài 3. Ngôi nhà thông minh

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Khu vực chức năng nào là nơi để gia chủ tiếp khách và các thành viên trong gia đình trò chuyện?

A. Khu vực sinh hoạt chung.

B. Khu vực thờ cúng.

C. Khu vực ăn uống.

D. Khu vực nghỉ ngơi.

Câu 2: Kiến trúc nhà ở đặc trưng cho các khu vực thành thị, có mật độ dân cư cao là gì?

A. Nhà ba gian.

B. Nhà nổi.

C. Nhà chung cư.

D. Nhà sàn.

Câu 3: Vật liệu có sẵn trong tự nhiên là:

A. xi măng, đá, cát.

B. cát, đá, tre.

C. sắt, tre, xi măng.

D. ngói, tôn, tre.

Câu 4: Có bao nhiêu bước chính để xây dựng một ngôi nhà?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 5: “Tận dụng tối đa năng lượng từ gió tự nhiên và ánh sáng mặt trời” là đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh?

A. Tính tiện ích.

B. Tính an ninh, an toàn.

C. Tính tiết kiệm năng lượng.

D. Tính an toàn và tiết kiệm năng lượng.

Câu 6: Nhà rông, nhà sàn ở miền núi thuộc kiến trúc nào?

A. Kiểu nhà ở đô thị.

B. Kiểu nhà ở các khu vực đặc thù.

C. Kiểu nhà ở nông thôn

D. Kiểu nhà liền kề.

Câu 7: Kiểu nhà nào dưới đây được xây dựng trên các cột phía trên mặt đất ?

A. Nhà sàn

B. Nhà nổi

C. Nhà chung cư

D. Nhà mặt phố

Câu 8: Vật liệu xây dựng có vai trò gì?

A. Ảnh hưởng tới tuổi thọ, chất lượng và tính thẩm mỹ của công trình.

B. Ảnh hưởng tới tuổi thọ, giá cả công trình.

C. Ảnh hưởng tới chất lượng, thời gian hoàn thành công trình.

D. Ảnh hưởng tới tính thẩm mỹ, tuổi thọ của công trình.

Câu 9: Sản phẩm được tạo ra bằng cách kết hợp vôi, nước và các chế phẩm nông nghiệp: xơ dừa, vỏ trấu, tre, sợi đay... có thể sử dụng để làm mái, tường và nền nhà, gọi là:

A. Thiết bị đảm bảo an toàn.

B. Bê tông làm từ rác thải.

C. Rác thải công trình.

D. Bê tông làm từ thực vật.

Câu 10: Bước chính giúp hình thành khung cho mỗi ngôi nhà là gì?

A. Chuẩn bị vật liệu, kinh phí.

B. Thi công thô.

C. Thiết kế nhà.

D. Hoàn thiện nội thất, lắp thiết bị điện nước.

Câu 11: Trang trí nội thất, lắp đặt hệ thống điện nước là công việc trong công đoạn nào?

A. Chuẩn bị.

B. Thi công thô.

C. Hoàn thiện.

D. Sửa nhà.

Câu 12: Một ngôi nhà thông minh cần có các đặc điểm gì?

A. Tiện ích, an toàn và đắt.

B. An ninh, an toàn, tiện ích.

C. Tiết kiệm năng lượng, an toàn.

D. Tiện ích, an toàn, tiết kiệm năng lượng.

Câu 13: Các thiết bị lắp đặt giúp cảnh báo các tình huống gây mất an ninh, an toàn gồm thiết bị gì?

A. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo.

B. Chuông báo, tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.

C. Tin nhắn, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.

D. Chuông báo, đèn báo, cuộc gọi tự động tới chủ nhà.

Câu 14: Điều hòa, quạt tự động bật lên là hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh?

A. Hệ thống chiếu sáng thông minh.

B. Hệ thống camera giám sát an ninh

C. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ

D. Hệ thống giải trí thông minh

Câu 15: Khi nhà có khách nhạc, tivi tự động bật lên là hệ thống nào trong ngôi nhà thông minh?

A. Hệ thống chiếu sáng thông minh.

B. Hệ thống camera giám sát an ninh

C. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ

D. Hệ thống giải trí thông minh

Câu 16: Khói trong nhà bếp bốc lên, ngay lập tức chuông báo động vang lên là thể hiện đặc điểm nào sau đây của ngôi nhà thông minh?

A. Tiện ích.

B. An ninh, an toàn

C. Tiết kiệm năng lượng.

D. Thân thiện với môi trường.

Câu 17: Các bước chính xây dựng nhà ở cần tuân theo quy trình sau nào?

A. Thi công thô, thiết kế, hoàn thiện.

B. Thiết kế, hoàn thiện, thi công thô.

C. Thiết kế, thi công thô, hoàn thiện.

D. Hoàn thiện, thiết kế, thi công thô.

Câu 18: Nhà ở có vai trò vật chất vì:

A. nhà ở là nơi để mọi người cùng nhau tạo niềm vui, cảm xúc tích cực.

B. nhà ở là nơi đem đến cho con người cảm giác thân thuộc.

C. nhà ở là nơi để con người nghỉ ngơi, giúp bảo vệ con người trước tác động của thời tiết.

D. nhà ở là nơi đem đến cho con người cảm giác riêng tư.

Câu 19: Nhà nổi thường có ở khu vực nào?

A. Tây Bắc.

B. Tây Nguyên.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Trung du Bắc bộ.

Câu 20: Nhà ở có đặc điểm chung là gì?

A. Kiến trúc và màu sắc.

B. Cấu tạo và phân chia các khu vực chức năng.

C. Vật liệu xây dựng và cấu tạo.

D. Kiến trúc và phân chia các khu vực chức năng.

II. Tự luận

Câu 1: Hãy trình bày vai trò của nhà ở. Nhà ở có những đặc điểm chung nào?

Câu 2: Mô tả dưới đây thuộc đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh?

a, Khi nằm vào giường ngủ, sau 15 phút đèn sẽ giảm ánh sáng.

b, Màn hình chuông cửa cho biết có khách đang đứng đợi ở cửa ra vào.

c, Hệ thống âm thanh tự động giảm độ lớn khi đêm về khuya.

d, Tự động phun nước tại nơi cần chữa cháy.

Câu 3: Em hãy cho biết ngôi nhà ở thuộc kiến trúc nhà nào? Được xây dựng bằng những loại vật liệu nào?

Câu 4: Em hãy kể tên 3 kiểu kiến trúc đặc trưng của nhà ở Việt Nam. Trình bày những hiểu biết của em về kiểu nhà ở nông thôn?

I. Nội dung: Ôn nội dung kiến thức các chương:

1. Chương I: Mở đầu về KHTN

- Quy tắc an toàn trong phòng thực hành
- Cách sử dụng, bảo quản kính lúp, kính hiển vi
- Các phép đo: đo thời gian, đo chiều dài,...

2. Chương II: Chất quanh ta

- Sự đa dạng của chất
- Các thể của chất và sự chuyển thể
- Oxygen – Không khí

3. Chương III: Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng

- Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực – thực phẩm

II. Hình thức kiểm tra: 70% trắc nghiệm – 30% tự luận

III. Các câu hỏi tự luận

Câu 1. Nêu thành phần và vai trò của không khí đối với tự nhiên?

Câu 2. a. Một bình chia độ có GHĐ 100 cm³, bình đó đang đựng 60 cm³ nước. Thả một viên đá vào bình, thì thấy thể tích nước dâng lên 90 cm³. Thể tích của viên đá đó bằng bao nhiêu?

b. Một bình tràn có GHĐ là 100 cm³, đang đựng sẵn 90 cm³ nước. Thả một vật rắn không thấm nước vào bình thì thấy thể tích nước tràn ra khỏi bình là 30 cm³. Thể tích của vật rắn bằng bao nhiêu?

Câu 3. Bản tin dự báo thời tiết nhiệt độ của một số vùng như sau:

- Hà Nội: Nhiệt độ từ 19°C đến 28°C.
- Nghệ An: Nhiệt độ từ 20°C đến 29°C.

Câu 4. Cho các hình ảnh dưới đây:



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

a) Em hãy chỉ ra từng nguyên nhân cụ thể gây ô nhiễm môi trường không khí thông qua các hình ảnh trên.

b) Em hãy đề xuất một số biện pháp để hạn chế ô nhiễm không khí như các hình ảnh trên.

Câu 5. a. Nêu khái niệm về sự nóng chảy, sự đông đặc, sự bay hơi và sự ngưng tụ.

b. So sánh sự giống và khác nhau giữa sự bay hơi và sự ngưng tụ; sự bay hơi và sự sôi.

c. Viết sơ đồ sự chuyển thể của chất

IV. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm ôn tập để học sinh tham khảo luyện tập

Chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau:

A. CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU VỀ KHTN

Câu 1: *Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?*

A. Vật lý học.

B. Hóa học và Sinh học.

C. Khoa học Trái Đất và Thiên văn học.

D. Lịch sử loài người.

Câu 2. *Hệ thống phóng đại của kính hiển vi bao gồm*

A. thị kính, vật kính.

B. chân kính, thân kính, bàn kính, kẹp giữ mẫu.

C. ốc to (núm chỉnh thô), ốc nhỏ (núm chỉnh tinh).

D. đèn chiếu sáng, gương, màn chắn.

Câu 3: *Nếu không may bị hoá chất rơi vào cơ thể hoặc quần áo thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?*

A. Đưa ngay ra trung tâm y tế cấp cứu.

B. Hô hấp nhân tạo.

C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép ngay vào vị trí đó.

D. Rửa sạch bằng nước ngay lập tức.

Câu 4: *Thang đo nhiệt độ Celsius xác định nhiệt độ của nước đá đang tan và nhiệt độ của hơi nước đang sôi lần lượt là*

A. 0°C và 100°C

B. 32°C đến 212°C

C. 0°C đến 273°C

D. 32°C đến 100°C

Câu 5: *Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là gì?*

A. Tuần.

B. Ngày.

C. Giây.

D. Giờ.

Câu 6: *Kính lúp cầm tay có tác dụng gì khi quan sát các vật nhỏ?*

A. Nhìn vật xa hơn.

B. Làm ảnh của vật nhỏ hơn.

C. Phóng to ảnh của một vật.

D. Không thay đổi kích thước của ảnh.

Câu 7: *Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường hợp pháp của nước ta là gì?*

A. Gam

B. Kilogam

C. Tạ

D. Yển

Câu 8: *36°C bằng bao nhiêu $^{\circ}\text{F}$?*

A. $96,8^{\circ}\text{F}$

B. $98,8^{\circ}\text{F}$

C. $88,6^{\circ}\text{F}$

D. $88,6^{\circ}\text{F}$

Câu 9: *Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?*

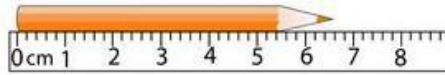
A. Kính có độ.

B. Kính lúp cầm tay.

C. Kính hiển vi quang học.

D. Kính hiển vi hoặc kính lúp đều được.

Câu 10: Chiều dài của chiếc bút chì ở hình vẽ bằng



A. 6,6 cm.

B. 6,5 cm.

C. 6,8 cm.

D. 6,4 cm.

B. CHƯƠNG II: CHẤT QUANH TA

Câu 1: Hiện tượng tự nhiên nào sau đây là do hơi nước ngưng tụ?

A. Tạo thành mây

B. Gió thổi

C. Mưa rơi

D. Lốc xoáy

Câu 2: Một số chất khí có mùi thơm tỏa ra từ bông hoa hồng làm ta có thể ngửi thấy mùi hoa thơm. Điều này thể hiện tính chất nào của thể khí?

A. Dễ dàng nén được.

B. Không có hình dạng xác định.

C. Có thể lan tỏa trong không gian theo mọi hướng.

D. Không chảy được.

Câu 3: Ví dụ nào thể hiện tính chất hóa học của chất?

A. Đường tan vào nước

B. Kem chảy lỏng khi để ngoài trời

C. Tuyết tan

D. Cơm để lâu bị mốc

Câu 4: Quá trình nào dưới đây không làm giảm oxygen trong không khí?

A. Sự gỉ của các vật dụng bằng sắt.

B. Sự cháy của than, củi, bếp gas.

C. Sự quang hợp của cây xanh.

D. Sự hô hấp của động vật.

Câu 5: Chất khí nào có nhiều trong không khí gây mưa axit?

A. Oxygen

B. Nitrogen

C. Cacbondioxit

D. Sulfurdioxit

Câu 6: Sự nóng chảy là sự chuyển thể từ

A. thể lỏng sang thể khí.

B. thể khí sang thể lỏng.

C. thể rắn sang thể lỏng.

D. thể lỏng sang thể rắn.

Câu 7: Hiện tượng tự nhiên do hơi nước đông đặc là

A. băng tan.

B. sương mù.

C. tạo thành mây.

D. mưa tuyết.

Câu 8: Thành phần nào của không khí là nguyên nhân chủ yếu gây ra hiệu ứng nhà kính?

A. Oxygen.

B. Hydrogen.

C. Carbon dioxide.

D. Nitrogen.

Câu 9: Trong không khí oxygen chiếm bao nhiêu phần trăm thể tích?

A. 1%.

B. 78%.

C. 21%.

D. 0%.

Câu 10: Điều kiện phát sinh phản ứng cháy là gì?

A. Chất phải nóng đến nhiệt độ cháy.

B. Phải đủ khí oxygen cho sự cháy.

C. Cần phải đến nhiệt độ cháy và có chất xúc tác cho phản ứng cháy.

D. Chất phải nóng lên đến nhiệt độ cháy và đủ khí oxygen cho sự cháy.

C. CHƯƠNG III: MỘT SỐ VẬT LIỆU, NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, LƯỢNG THỰC – THỰC PHẨM THÔNG DỤNG

Câu 1: Thế nào là vật liệu?

A. Vật liệu là một số thức ăn được con người sử dụng hàng ngày.

B. Vật liệu là một chất được dùng trong xây dựng như sắt, cát, xi măng,...

C. Vật liệu là một chất hoặc hỗn hợp một số chất được con người sử dụng như là nguyên liệu đầu vào trong một quá trình sản xuất hoặc chế tạo ra những sản phẩm phục vụ cuộc sống.

D. Vật liệu là gồm nhiều chất trộn lẫn vào nhau.

Câu 2: Mô hình 3R có nghĩa là gì?

A. Sử dụng vật liệu có hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.

B. Sử dụng vật liệu với mục tiêu giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng.

C. Sử dụng các vật liệu ít gây ô nhiễm môi trường.

D. Sử dụng vật liệu chất lượng cao, mẫu mã đẹp, hình thức phù hợp.

Câu 3: Vật liệu nào sau đây không có thể tái chế?

A. Thủy tinh.

B. Ống đồng.

C. Xi măng.

D. Cao su.

Câu 4: Có nhiều quy định pháp luật được đưa ra về những biện pháp nhằm bảo vệ môi trường. Việc phân loại rác thải cũng là một trong những hành vi giúp xử lý rác và bảo vệ môi trường. Rác thải sinh hoạt được phân thành bao nhiêu loại chính?

A. 3 loại.

B. 4 loại.

C. 5 loại.

D. 6 loại.

Câu 5: Dầu mỏ là một dạng nhiên liệu hóa thạch, dầu được hình thành khi số lượng lớn sinh vật chết, thường là động vật phù du và tảo được chôn dưới đá trầm tích và chịu nhiệt độ lẫn áp suất cao. Nguồn nhiên liệu này

A. tồn tại vô tận trong tự nhiên.

B. có thể bị cạn kiệt.

C. được sử dụng vĩnh viễn.

D. nhanh chóng được tái sinh

Câu 6: Dầu là nhiên liệu mới thay thế an toàn, thân thiện với môi trường?

A. Dầu diesel.

B. Xăng E5.

C. Xăng E92.

D. Xăng E95.

Câu 7: Nhiên liệu nào sau đây không phải nhiên liệu hoá thạch?

A. Than đá.

B. Dầu mỏ.

C. Khí tự nhiên.

D. Biogas.

Câu 8: Vì sao không đun bếp than trong phòng kín?

A. Vì than tỏa nhiều nhiệt dẫn đến phòng quá nóng.

B. Vì than cháy tỏa nhiều khí carbon monoxide, carbon dioxide có thể gây tử vong nếu ngủ quá nhiều trong phòng kín.

C. Vì than không cháy được trong phòng kín.

D. Vì giá thành than khá cao và khó tìm.

Câu 9: Để sử dụng gas tiết kiệm, hiệu quả người ta sử dụng biện pháp nào sau đây?

A. Tùy nhiệt độ cần thiết để điều chỉnh lượng gas.

B. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất.

C. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.

D. Ngăn không cho khí gas tiếp xúc với carbon dioxide.

Câu 10: Nhiên liệu sinh học

A. là nguồn nhiên liệu không tái tạo.

B. là các sản phẩm không thân thiện với môi trường.

C. được hình thành từ các hợp chất có nguồn gốc động thực vật (sinh học) và thân thiện với môi trường.

D. được sử dụng trong các nhà máy năng lượng hạt nhân để tạo ra nhiệt cung cấp cho các tua bin chạy máy phát điện.

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng

Bài 1: Thông tin và dữ liệu

Bài 2: Xử lý thông tin

Bài 3: Thông tin trong máy tính

Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet

Bài 4: Mạng máy tính

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

50% trắc nghiệm (gồm 20 câu) và 50% tự luận

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Thông tin có thể giúp cho con người:

- A. không cần phải tư duy nhiều nữa
- B. lưu trữ và truyền tải hình ảnh
- C. không cần phải học hỏi gì thêm nữa
- D. đưa ra những lựa chọn tốt, giúp cho hoạt động của con người đạt hiệu quả.

Câu 2: Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là :

- A. dữ liệu được lưu trữ.
- B. thông tin vào.
- C. thông tin ra.
- D. thông tin máy tính.

Câu 3: Nghe bản tin dự báo thời tiết “Ngày mai trời có thể mưa”, em sẽ xử lý thông tin và quyết định như thế nào (thông tin ra) ?

- A. Mặc đồng phục;
- B. Đi học mang theo áo mưa;
- C. Ăn sáng trước khi đến trường;
- D. Hẹn bạn Trang cùng đi học.

Câu 4: Tai người bình thường có thể tiếp nhận thông tin nào dưới đây:

- A. tiếng chim hót;
- B. đi học mang theo áo mưa;
- C. ăn sáng trước khi đến trường;
- D. hẹn bạn Hương cùng đi học.

Câu 5: Mắt thường không thể tiếp nhận thông tin nào dưới đây?

- A. Đèn kiến đang “tân công” lộ đường quên đây nắp;
- B. Những con vi trùng gây bệnh lị lần trong thức ăn bị ôi thiu;
- C. Rác bần vớt ngoài hành lang lớp học;
- D. Bạn Phương quên không đeo khăn quàng đỏ.

Câu 6: Một trong những nhiệm vụ chính của tin học là:

- A. nghiên cứu giải các bài toán trên máy tính;
- B. nghiên cứu chế tạo các máy tính với nhiều tính năng ngày càng ưu việt hơn;
- C. nghiên cứu việc thực hiện các hoạt động thông tin một cách tự động nhờ sự trợ giúp của máy tính điện tử;
- D. biểu diễn các thông tin đa dạng trong máy tính.

Câu 7: Phương án nào sau đây là thông tin?

- A. Các con số thu thập được qua cuộc điều tra dân số
- B. Kiến thức về phân bố dân cư
- C. Phiếu điều tra dân số
- D. Tập lưu trữ tài liệu về điều tra dân số.

Câu 8: Công cụ nào sau đây không phải là vật mang tin?

- A. Giấy
- B. Cuộn phim
- C. Thẻ nhớ
- D. Xoong.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao
- B. Dữ liệu là những giá trị số do con người nghĩ ra
- C. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh
- D. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính.

Câu 10: Trình tự của quá trình xử lý thông tin là:

- A. nhập (INPUT) → Xuất (OUTPUT) → Xử lý
- B. nhập → Xử lý → Xuất
- C. xuất → Nhập → Xử lý
- D. xử lý → Xuất → Nhập.

Câu 11: CPU là cụm từ viết tắt để chỉ:

- A. bộ nhớ trong của máy tính;
- B. thiết bị trong máy tính;
- C. bộ phận điều khiển hoạt động máy tính và các thiết bị
- D. bộ xử lý trung tâm.

Câu 12: Một ổ cứng di động có 2 TB có dung lượng nhớ tương đương bao nhiêu?

- A. 2048 KB
- B. 10024 KB
- C. 2048 MB
- D. 2048 GB

Câu 13: Các khối chức năng chính của máy tính hoạt động dưới sự hướng dẫn của:

- A. các thông tin mà chúng có;
- B. phần cứng máy tính;
- C. các chương trình do con người lập ra;
- D. bộ não máy tính.

Câu 14: Một thẻ nhớ 4GB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh 512KB?

- A. 2000 ảnh
- B. 4000 ảnh
- C. 8000 ảnh
- D. 8 triệu ảnh

Câu 15: Thiết bị dùng để di chuyển con trỏ trên màn hình là:

- A. modem;
- B. chuột
- C. CPU
- D. bàn phím

Câu 16: Thiết bị cho em thấy các hình ảnh hay kết quả hoạt động của máy tính là:

- A. bàn phím
- B. CPU
- C. chuột
- D. màn hình

Câu 17: Phần mềm máy tính là:

- A. chương trình ngoài máy tính
- B. là chuột, màn hình, máy in
- C. chương trình máy tính, tập hợp các lệnh chỉ dẫn cho máy tính thực hiện các công việc cụ thể
- D. chỉ có hệ điều hành mới được gọi là phần mềm máy tính.

Câu 18: Sự khác biệt giữa phần cứng và phần mềm máy tính là gì?

- A. Em có thể tiếp xúc với phần cứng, nhưng không tiếp xúc được với phần mềm mà chỉ thấy kết quả hoạt động của chúng;
- B. Phần cứng được chế tạo bằng kim loại; còn phần mềm được làm từ chất dẻo;
- C. Phần cứng luôn luôn tồn tại, còn phần mềm chỉ tạm thời (tồn tại trong thời gian ngắn);
- D. Phần cứng hoạt động ổn định còn phần mềm hoạt động không tin cậy.

Câu 19: Người ta chia phần mềm ra hai loại chính là các loại nào dưới đây?

- A. Phần mềm giải trí và phần mềm làm việc;
- B. Phần mềm soạn thảo văn bản và phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu;
- C. Phần mềm của hãng Microsoft và phần mềm của hãng IBM.
- D. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng.

Câu 20: Những khả năng to lớn nào đã làm cho máy tính trở thành một công cụ xử lý thông tin hữu hiệu?

- A. khả năng tự thay đổi nội dung để làm vừa lòng con người
- B. Làm việc giống hệt con người
- C. Máy tính có cảm xúc như con người
- D. Tính toán nhanh, làm việc không mệt mỏi, khả năng lưu trữ lớn.

Câu 21: Máy tính có thể dùng để điều khiển:

- A. đường bay của những con ong trong rừng;
- B. đường đi của đàn cá ngoài biển cả;
- C. tàu vũ trụ bay trong không gian;
- D. mặt rơi của đồng xu được em tung lên cao.

Câu 22: Hạn chế lớn nhất của máy tính hiện nay gì?

- A. Khả năng lưu trữ còn hạn chế;
- B. Chưa phát được ra âm thanh như người;
- C. Không có khả năng tư duy như con người;
- D. Kết nối Internet còn chậm.

Câu 23: Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng nào?

- A. thông tin
- B. dãy bit
- C. số thập phân
- D. các kí tự.

Câu 24: Đơn vị đo dung lượng thông tin nhỏ nhất là gì?

- A. Byte
- B. Digit
- C. Kilobyte
- D. Bit.

Câu 25: Một mạng máy tính gồm:

- A. tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau
- B. một số máy tính bàn
- C. hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau

D. tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một tòa nhà.

Câu 26: Mạng máy tính không cho phép người sử dụng chia sẻ gì?

A. Máy in

C. Máy quét

B. Bàn phím và chuột

D. Dữ liệu

Câu 27: Phát biểu nào sau đây sai?

A. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.

B. Virus có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính

C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính

D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính

Câu 28: Trong các nhận định sau, nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng

B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ

C. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm

D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng

Câu 29: Thiết bị nào sau đây không phải thiết bị đầu cuối?

A. Máy tính

B. Máy in

C. Bộ định tuyến

D. Máy quét

Câu 30: Phát biểu nào sau đây sai

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính về dây dẫn mạng
- B. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình
- C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh,...
- D. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn

II. Tự luận

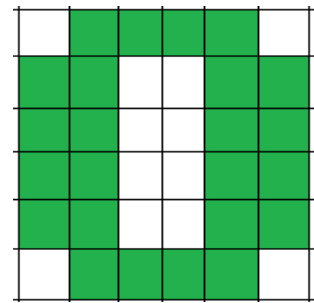
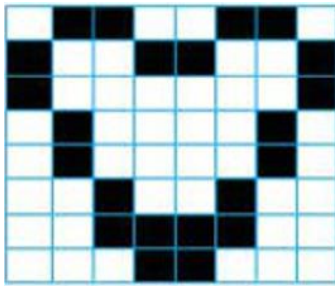
Câu 1: Phân biệt sự khác nhau giữa thông tin, dữ liệu và vật mang thông tin? Cho ví dụ minh họa?

Câu 2: Máy tính giúp con người nâng cao hiệu quả trong hoạt động nào của quá trình xử lý thông tin?

Câu 3: Hãy nêu những ưu điểm vượt trội của mạng không dây so với mạng có dây?

Câu 4: a. Giả sử một bức ảnh được chụp bằng một máy ảnh kĩ thuật số có dung lượng khoảng 12MB. Vậy một thẻ nhớ có 16GB có thể chứa bao nhiêu bức ảnh như vậy

b. Cho hình vuông mỗi chiều 8 ô (8x8). Giả sử kí hiệu ô bị tô màu là 1 và ô trắng là 0. Hãy chuyển mỗi dòng trong hình vẽ sau thành dãy bit (viết lần lượt từ trái qua phải và từ trên xuống dưới. Mỗi dãy bit viết trên 1 dòng)



I. Ôn tập bài hát

- Bài hát: *Em yêu giờ học hát.*

- Bài hát: *Lí cây đa.*

II. Ôn tập: Bài đọc nhạc

- Bài đọc nhạc số 1

- Bài đọc nhạc số 2

I. Nội dung bài học

1. Tranh in hoa lá.
2. Túi giấy tặng quà.

II. Yêu cầu cần đạt

HS được củng cố về các kiến thức: hs biết in tranh hoa lá và làm túi giấy.

III. Hướng dẫn ôn tập

1. Lí thuyết:

- Cách in hoa lá?
- Cách làm túi giấy?

2. Thực hành:

- Tranh in hoa lá:
 - + Hình thức: in ấn
 - + Bố cục: hợp lí, hài hòa.
 - + Hình vẽ: đẹp, tương đối giống.
 - + Màu sắc: hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ
- Túi giấy:
 - + Hình thức: tạo hình túi giấy
 - + Bố cục: có mảng chính phụ
 - + Hình vẽ: đẹp mắt, có họa tiết trông đồng.
 - + Màu sắc: tươi sáng, hài hòa màu sắc giữa các hình ảnh với nền
 - + Thể hiện sáng tạo, có tính thẩm mỹ

3. Yêu cầu thực hành

Thực hành giấy hoặc mô hình.

TRƯỜNG THCS THANH AM

NĂM HỌC 2023 - 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Giáo dục thể chất

KHỐI 6

I. Nội dung ôn tập.

- Chủ đề: Chạy cự li ngắn (60m)

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m) và hoàn thành cự li.

Ban giám hiệu

Đã kí

Lê Thị Ngọc Anh